



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ – VPCNCL
ngày tháng 03 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Huyết học – Truyền máu**

Medical Testing Laboratory **Department of Hematology and Blood Transfusion**

Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Đại học Y Hà Nội**

Organization: **Ha Noi Medical University hospital**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**

Field of medical testing: **Hematology**

Người phụ trách/ Representative: **Nguyễn Quang Tùng**

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 162**

Hiệu lực công nhận có giá trị từ/ Period of Accreditation is valid from: / /2025 đến/to: 12/10/2025

Địa chỉ/ Address: **Số 1 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội**

Địa điểm/Location: **Khu nhà A2 mở rộng, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, số 1 Tôn Thất Tùng,**

Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Tp Hà Nội.

Điện thoại/ Tel: **02462960115**

Fax:

E-mail: **huyethoc@hmu.vn**

Website: **www.hmu.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS***VILAS Med 162**Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học***Discipline of medical testing: Hematology*

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông – nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant -if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Máu toàn phần <i>Whool blood (EDTA)</i>	Đếm số lượng Hồng cầu <i>Red blood count (RBC)</i>	Tán xạ <i>Light scatter</i>	QTKT.01.HH (2024) (Advia 2120i)
2.		Đếm số lượng Bạch cầu <i>White blood count (WBC)</i>		QTKT.03.HH (2024) (Advia 2120i)
3.		Đếm số lượng Tiểu cầu <i>Platete count (PLT)</i>		QTKT.04.HH (2024) (Advia 2120i)
4.		Định lượng Hemoglobin (HGB) <i>Detemination of Hemoglobin</i>	Đo quang <i>Optical</i>	QTKT.02.HH (2024) (Advia 2120i)
5.	Huyết tương nghèo tiểu cầu được tách từ máu toàn phần chống đông bằng Natri Citrat 0.109 M Platelet-poor plasma from whole blood collected in 0.109 M trisodium citrate anticoagulant	Xác định thời gian Prothrombin <i>Detemination of Prothrombin Time</i>	Phương pháp đo cơ <i>Chronometry method</i>	QTKT.09.HH (2024) (Sta R Max)
6.		Xác định thời gian Thromboplastin từng phần hoạt hóa <i>Detemination of Activated Partial Thromboplastin Time</i>	Phương pháp đo cơ <i>Chronometry method</i>	QTKT.10.HH (2024) (Sta R Max)
7.		Xác định lượng fibrinogen phương pháp Clauss <i>Detemination of Quantitative detemination of fibrinogen according to Clauss</i>	Phương pháp đo cơ <i>Chronometry method</i>	QTKT.11.HH (2024) (Sta R Max)

Ghi chú/ Note:

- QTKT.: Phương pháp nội bộ của PXN/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Bệnh viện Đại học Y Hà Nội cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for HaNoi medical University hospital that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*